TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 7 - 2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Xuân Hà.

2. Bà Dương Thị Mỹ Linh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Long – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 160/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trần Long V, sinh năm 1989 (có mặt).

Nơi cư trú: Tổ dân phố 7, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa (cũ là khu phố 7, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận).

2. Bị đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1993 (có mặt).

Nơi cư trú: Tổ dân phố 23, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa (cũ là khu phố 8, phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận).

3. Người làm chứng:

3.1 Ông Nguyễn Trần Minh L, sinh năm 1982 (có mặt).

Nơi cư trú: Tổ dân phố 6, phường B, tỉnh Khánh Hòa (cũ là khu phố 5, phường P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận).

3.2 Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1975 (có mặt).

Nơi cư trú: Tổ dân phố 8, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa (cũ là khu phố 8, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/3/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Trần Long V trình bày:

Ông và bà Lê Thị N tự nguyện tìm hiểu quen biết nhau, gia đình có tổ chức cưới hỏi, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đô Vinh, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận (nay là phường Đô Vinh, tỉnh Khánh Hòa) năm 2016. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà mẹ ông ở Tổ dân phố 7, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa. Quá trình chung sống vợ chồng có hạnh phúc. Tuy nhiên, từ năm 2024 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Từ tháng 10 năm 2024 cho đến nay ông và bà N không còn sống chung với nhau, vợ chồng có gặp gỡ nhưng không hòa giải được. Bà N có nộp đơn ly hôn ông tại Tòa án, sau đó rút đơn để vợ chồng hàn gắn quay lại, nhưng vẫn không được. Do thời gian mâu thuẫn kéo dài và không còn chung sống cùng nhau nên tình cảm không còn, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà N.

Về con chung: Ông và bà N có 02 con chung là Nguyễn Lê Thùy V1, sinh ngày 11/8/2017 và Nguyễn Lê Quốc V2, sinh ngày 15/4/2021. Ly hôn, ông đề nghị giao cháu V2 cho ông trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con, không yêu cầu bà N phải cấp dưỡng nuôi cháu V2; giao cháu V1 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con. Ông cấp dưỡng nuôi cháu V1 1.000.000 đồng/tháng. Ông làm nghề lái xe thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng, có chỗ ở ổn định, hàng ngày đi làm ông còn được mẹ và chị gái phụ chăm sóc, cơm nước và đưa đón cháu V2 đi học nên ông có đủ điều kiện, khả năng để nuôi con.

Từ ngày ông và bà N không còn sống chung thì bà N đưa cháu V1 về nhà mẹ ruột bà N ở phường Đ, tỉnh Khánh Hòa sinh sống, cháu V1 do bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; còn ông trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu V2. Các cháu đều có cuộc sống ổn định, vui vẻ cháu V2 sống với ông rất ngoan, khỏe mạnh nên ông không đồng ý với yêu cầu của bà N là giao 02 con cho bà N chăm sóc. Vì bà N làm công việc bán hàng theo ca, giờ giấc không thuận tiện nên khó có khả năng chăm sóc tốt cho cả 02 con. Ngoài ra, cháu V1 bị bệnh phải thường xuyên khám chữa bệnh và điều trị nên việc chăm sóc khó khăn, vất vả hơn rất nhiều.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Lê Thị N trình bày:

Bà và ông Nguyễn Trần Long V tự nguyện tìm hiểu và quen biết nhau, hai bên có tổ chức cưới hỏi, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đô Vinh, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận (nay là phường Đô Vinh, tỉnh Khánh Hòa) vào năm 2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng mẹ chồng bà tại tổ dân phố 7, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa. Quá trình chung sống bình thường, nhưng từ giữa tháng 10/2024 thì phát sinh mâu thuẫn do khi cháu V1 bị bệnh thì gia đình chồng nói bà về việc không biết chăm lo cho gia đình, nhiều câu nói nặng nề khiến bà bị tổn thương. Sau sự việc trên giữa bà và ông V có khoảng

cách, ông V to tiếng, la mắng bà. Từ tháng 11/2024 đến nay bà và ông V không còn sống chung. Nay ông V khởi kiện ly hôn thì bà đồng ý ly hôn với ông V.

Về con chung: Bà ông V có 02 con chung là cháu Nguyễn Lê Thùy V1, sinh ngày 11/8/2017 và Nguyễn Lê Quốc V2, sinh ngày 15/4/2021. Ly hôn bà đề nghị giao 02 con cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, ông V cấp dưỡng nuôi các con, mỗi con, mỗi tháng 1.000.000đ/tháng/con. Bà làm nhân viên bán hàng theo ca thu nhập khoảng 6.500.000 đồng đến 7.000.000 đồng/tháng ngoài ra cũng có bà ngoại phụ chăm cháu nên bà đủ khả năng để chăm sóc tốt cho các con. Trường hợp, nếu bà được giao trực tiếp nuôi cháu V1, ông V được giao trực tiếp nuôi cháu V2 thì bà không yêu cầu ông V phải cấp dưỡng nuôi cháu V1 và bà không phải cấp dưỡng nuôi cháu V2.

Từ khi không còn sống chung đến nay bà trực tiếp nuôi cháu V1, ông V trực tiếp nuôi cháu V2. Cháu V2 ở với ông V thì bà thấy cũng phát triển bình thường, khỏe mạnh. Tuy nhiên, ông V không trực tiếp nuôi cháu V2, mỗi lần ông V đi làm thì lại gửi con cho chị gái của ông V và bà biết hiện tại sức khỏe của ông V không tốt nên bà thấy giao cháu V2 cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng là không đảm bảo. Ngoài ra, ông V còn ngăn cản bà không cho thăm gặp con, đổi chỗ học cho con. Bà không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc ông V giao con cho chị gái chăm sóc, ngăn cản bà thăm con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng ông Nguyễn Trần Minh L trình bày: Ông L là chủ thầu xây dựng và có xe chạy dịch vụ. Ông có thuê ông V làm tài xế và quản lý điều hành công việc cho ông, thỉnh thoảng có lái xe chở vật tư công trình. Thời gian công việc linh động, mức lương của ông V là 9.000.000 đồng/tháng, phụ cấp xăng xe là 1.000.000đ/tháng. Do ông và ông V là anh em ruột nên thời gian làm việc cũng được ông sắp xếp thuận tiện để ông V có thời gian nghỉ ngơi, chăm sóc con nhỏ.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị Thu Tuyết trình bày: Bà là chị gái của ông V, chị chồng của bà N, giữa bà và bà N không có mâu thuẫn gì. Từ khi V và N không còn sống chung với nhau thì bà có phụ giúp V hàng ngày đưa đón cháu V2 đi học, chiều tắm rửa và chở cháu V2 về nhà V và bà Nội, bà không giữ cháu V2 ở nhà qua đêm. Cháu V2 mạnh khỏe, ngoan ngoãn không bị bệnh gì. Bà cam kết sẽ phụ giúp V cùng chăm lo cho cháu V2.

Tại phiên họp hòa giải các đương sự thống nhất thỏa thuận tự nguyện ly hôn nhưng không thỏa thuận được về con chung.

Tại phiên tòa các đương sự giữ nguyên thỏa thuận tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về con chung, cụ thể: Giao cháu V2 cho ông V được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. bà N không phải cấp dưỡng nuôi cháu V2 do ông V không yêu cầu. Giao cháu V1 cho bà N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Ông V cấp dưỡng nuôi cháu V1 mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 3 năm 2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, lao động tự túc được. Về tài sản chung, nợ chung: Ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp, tống đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm phán, Thư ký, đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Trần Long V và bà Lê Thị N.

Về con chung: Công nhận thỏa thuận của ông V, bà N: Giao cháu V2 cho ông V được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. bà N không phải cấp dưỡng nuôi cháu V2 do ông V không yêu cầu. Giao cháu V1 cho bà N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Ông V cấp dưỡng nuôi cháu V1 mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 3 năm 2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, lao động tự túc được.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông, bà không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Nguyễn Trần Long V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với bị đơn bà Lê Thị N. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của BLTTDS. Bị đơn ở phường Đ, tỉnh Khánh Hòa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Khánh Hòa theo khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về tranh chấp hôn nhân: Ông V và bà N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường Đô Vinh, tỉnh Khánh Hòa (cũ phường Đô Vinh, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận) cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 29 ngày 22/4/2016 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng bình thường, hạnh phúc đến khoảng tháng 10 năm 2024 thì mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cách sống, sinh hoạt, chăm sóc con và môi trường sống khiến vợ chồng không có tiếng nói chung, to tiếng cãi vã. Từ tháng 10/2024 đến nay vợ chồng không còn sống chung,

cũng không quan tâm đến nhau. Ông V, bà N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được. Nay ông V khởi kiện ly hôn thì bà N đồng ý ly hôn với ông V, tòa án đã hòa giải nhưng không thành, ông V và bà N đề nghị công nhận thuận tình ly hôn.

Từ những căn cứ trên, xét thấy mâu thuẫn giữa ông V, bà N đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc thuận tình ly hôn của ông V, bà N là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận là đúng theo các Điều 51, 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung:

Ông V và bà N có 02 con chung là cháu Nguyễn Lê Thùy V1, sinh ngày 11/8/2017 và Nguyễn Lê Quốc V2, sinh ngày 15/4/2021. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông V đề nghị Tòa án giao cháu V2 cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con, không yêu cầu bà N phải cấp dưỡng nuôi cháu V2; giao cháu V1 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con. Ông V cấp dưỡng nuôi cháu V1 mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 3 năm 2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, lao động tự túc được.

Quá trình giải quyết vụ án bà N không đồng ý với yêu cầu về con chung của ông V. Tại phiên tòa bà N đồng ý với yêu cầu của ông V về con chung. Do bà N, ông V đã thỏa thuận được về con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận về con chung cho ông, bà.

Xét đề nghị của ông V, bà N thấy rằng: Từ khi ông, bà không còn sống chung với nhau thì ông V là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu V2, bà N là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu V1, cháu V1 có nguyện vọng được ở với mẹ. Ông V làm tài xế lái xe thu nhập 10.000.000 đồng/tháng, có chị gái và mẹ hỗ trợ ông trong việc chăm sóc con, có chỗ ở ổn định đảm bảo để nuôi con. Bà N làm nhân viên bán hàng thu nhập từ 6.500.000 đồng đến 7.000.000 đồng/tháng, có mẹ bà phụ chăm sóc con, có chỗ ở ổn định. Như vậy, ông V, bà N đều có thu nhập, chỗ ở ổn định, có đủ điều kiện đảm bảo để nuôi con, xét thỏa thuận về con chung của ông, bà là tự nguyện, phù hợp với các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông V và bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Khánh Hòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông V tự nguyện chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 55, Điều 81; Điều 82 và Điều 83 và Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn ông Nguyễn Trần Long V và bị đơn bà Lê Thị N.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận về con chung của nguyên đơn ông Nguyễn Trần Long V và bị đơn bà Lê Thị N như sau: Giao cháu Nguyễn Lê Quốc V2, sinh ngày 15/4/2021 cho ông Nguyễn Trần Long V được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Bà Lê Thị N không phải cấp dưỡng nuôi cháu V2 do ông V không yêu cầu. Giao cháu Nguyễn Lê Thùy V1, sinh ngày 11/8/2017 cho bà Lê Thị N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Ông V cấp dưỡng nuôi cháu V1 mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 3 năm 2025 cho đến khi cháu V1 đủ 18 tuổi, lao động tự túc được.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Ông Nguyễn Trần Long V tự nguyện chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí về cấp dưỡng nuôi con, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) ông V đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001099 ngày 26/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5, Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa). Ông Nguyễn Trần Long V còn phải nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18/7/2025)./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 5 - Khánh Hòa;
- Phòng THADS khu vực 5, THADS tỉnh Khánh Hòa;
- UBND phường Đô Vinh, tỉnh Khánh Hòa (GCNKH số: 29, ngày 22/4/2016);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Diệu